

Sở thích

Talk to your friends about hobby and pastime:

A: Bạn có hay đi thuyền **khi rảnh** không?

B: Mình thỉnh thoảng đi thuyền.

Tên/Hoạt động	Sinh viên 1	Sinh viên 2	Ghi chú (note)
Chơi đàn violin			Trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency) Hay : Always Luôn luôn : Always Thường : Often Thường (thường thường): Usually Thỉnh thoảng: sometimes Đôi khi: Once in a while Ít khi : Rarely/ seldom Chưa bao giờ : Never Không bao giờ: Never (at all) Mỗi/hàng: Each/ Every Hàng sáng: Every morning Mỗi ngày: Each day
Nhảy đầm			
Hát karaoke			
Vẽ			
Du lịch			
Khiêu vũ			
Câu cá			
Nấu ăn			
Chụp ảnh			
Tập thể dục			
Chơi trò chơi điện tử			
Xem thể thao trên tivi			